

HOC THUYẾT ÂM DƯƠNG BÁT QUÁI NGŨ HÀNH

Trời Đất vạn vật nói chung là một đại vũ trụ và con người là một tiểu vũ trụ và cũng hàm chứa Âm Dương và Ngũ Hành. Khởi đầu là *Thái Cực*, chưa có sự biến hóa. Thái Cực này vận động biến thành hai khí Âm và Dương. Hai khí Âm Dương luôn luôn chuyển hóa làm cho Vũ Trụ động và vạn vật sinh tồn. Người ta thường nói: Thái Cực thị sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái. Chú ý rằng "thị sinh" ở đây không có nghĩa là từ cái "không" mà sinh ra cái "có", mà có nghĩa là đã có sẵn trong đó rồi, và có thể nhận thấy được khi phân hai (sinh) mà hoạt động. Thái (lớn quá, cao xa quá) Cực (là chỗ tận cùng, chỗ chấm dứt, và cũng có nghĩa là rất lắm, quá nhiều, quá lớn) là nguyên lí tạo dựng và chi phối Vũ Trụ. Lí Thái Cực là lí Nhất Nguyên Lưỡng Cực có nghĩa là một nơi (Nhất Nguyên) khi nói chung (khi bất động) có hai phần Âm Dương (Lưỡng Cực) khi nói riêng ra (khi hoạt động). Nói ngược lại thì sự hoạt động của Âm Dương là cái lí của Thái Cực. Toàn thể cuộc Trời Đất này (Vũ Trụ) sinh tồn là do lí Thái Cực, và mọi vật đều do Âm Dương tác tạo, nên cũng có một lí Thái Cực cho riêng mình. Âm Dương là khí vô hình, có hai phần khác nhau là Dương và Âm để bù đắp cho nhau mà sinh động lực.

Hai khí Âm Dương giao tiếp tuần hoàn sinh hóa ra vạn vật theo 4 trạng thái phát triển và suy tận được gọi là Tứ Tượng (Thiếu Dương, Thái Dương, Thiếu Âm, Thái Âm). Tứ Tượng lại sinh Bát Quái. Bát Quái là tám tướng chính của Âm Dương, sinh hóa ra 5 khí chất chính là Ngũ Hành. Theo Đổng Trọng Thư thì "Khí của trời đất, hợp thì là một, chia thì là Âm và Dương, tách ra làm bốn mùa, bày xếp thành Ngũ hành." Âm Dương là một, nhưng Âm Dương thiên biến vạn hóa (Bất Trắc) để sinh Ngũ Hành, và với tính cách tương phản tương thành đã sinh hóa vạn vật, muôn loài, tạo ra một chuỗi nhân quả liên tục không dứt. Vạn vật trong Vũ Trụ này sở dĩ có được là do sự Điều Hợp Nhi Ngưng, phối hợp với nhau một cách kỳ diệu mà ngưng đọng lại của nhị ngũ (2, 5) tức Âm Dương Ngũ Hành từ Hình Nhi Thương (khí năng, khí chất vô hình) qua Hình Nhi Hạ (Thể Chất, Hữu Hình). Khi biến thì Hình hóa, ở Trời là Tượng, ở Đất là Hình. Âm Dương chuyển hóa, tiêu trường, thuận nghịch, đắp đổi cho nhau sinh ra Ngũ Hành, tạo nên vạn vật. Thái Cực động thì sinh Dương, động cực thì Tĩnh, Tĩnh thì sinh Âm, Tĩnh cực thì lại động, một Tĩnh một động cũng làm căn bản cho nhau, đó là trở về cái gốc (Hố Vi Kỳ Căn).

CÁC QUI LUẬT BIẾN ĐỘNG CỦA VẠN VẬT

Các hiện tượng của Vũ Trụ chỉ là trạng thái khác nhau trong vòng Sinh Tử, Tử Sinh (tức là Thành Thịnh Suy Hủy, Thành Trụ Họa Không, Sinh Lão Bệnh

Tử) của vật thể biến động. Tư tưởng Đông Phương cho rằng Vũ Trụ có một mãnh lực vô hình chu du khắp không gian và thời gian gọi là Thái Cực, tác động do hai trạng thái động Tĩnh của chính mình, tức là hai khí Âm Dương, để biến hóa muôn loại, tạo ra một cuộc sống động và vĩnh cửu. Đó là lí Nhất Nguyên Lượng Cực, tức lí Thái Cực, Âm Dương. Khởi thủy, vua Phục Hi đã vạch và xếp Tiên Thiên Bát Quái và 64 trùng quái để biểu tượng cho Âm Dương chuyển hóa, rồi tìm hiểu và sự sinh khắc chế hóa của Ngũ Hành, do tác động của Âm Dương sinh ra, biểu hiện nơi các con số trên Hà Đồ. Đây cả không Trời Đất này duy chỉ có một cái lí ấy mà thôi, lí ấy là lí tự nhiên, lí của Thái Cực. Lí ấy nằm trong Tượng, nghĩa là trong các hào quái đã được dựng nên để biểu tượng cho sự chuyển hóa của Âm Dương. Sự chuyển hóa của Âm Dương là cái lí của Thái Cực. Âm Dương chuyển hóa tạo ra Ngũ Hành Khí, biểu hiện bởi các con số nằm trong Hà Đồ và Lạc Thư. Thái Cực là Lí tự nhiên, Hào Quái là Tượng của Âm Dương, Hà Đồ và Lạc Thư là số của Ngũ Hành. Có lí thì có Tượng, có Tượng thì có Số. Vũ trụ vạn vật chỉ có một cái lí chung và duy nhất nhưng mang nhiều Tượng Số, do đó mà mọi vật có từng nhóm số. Mọi vật đều có một Thái Cực (Các hữu Thái Cực), nghĩa là mọi vật, cũng như con người, đều là một tiểu Vũ Trụ, Vũ Trụ có tính chất nào, tính cách nào thì mọi vật cũng có như vậy. Vua Phục Hi và các người đời sau đều đã dùng Tượng Số ấy mà tìm hiểu Vũ Trụ trong mọi quan hệ với nhân sinh. Vũ trụ và nhân sinh có mối liên hệ nhất quán, chỉ khác nhau ở chỗ cao thấp, thanh浊, lớn nhỏ mà thôi. Đó là Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể, đó là Thiên Nhân tương dữ và tương hợp. Lễ Trời sao thì lễ người vậy, việc trời sao thì việc người vậy.

Vạn vật đều biến động đời đời tuân theo các qui luật như luật Biến Hóa, luật Tương Sinh Tương Khắc (Tương Phản tương Thành), luật Tiêu Trưởng, luật Tương Ứng Tương Cầu, luật Tích Tiệm, luật Phản Phục, luật Biến Dịch.

Luật Biến Hóa nghĩa là biến động mãi mãi, chu lưu khắp chốn, lên xuống không cùng, luân phiên thay đổi nhau: cứng mềm, nóng lạnh, sinh tử cho nên không thể lấy cái gì làm chủ yếu điển hình được. Chết (tử) chỉ là Biến và Hóa, chết mà không mất (Tử nhi bất vong). Biến là do cùng: Cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu, nghĩa là có cùng thì mới có biến, có biến mới có thông, có thông mới có lâu bền. Một đóng, một mở gọi là biến. Qua rồi lại, lại rồi qua, và qua lại không cùng gọi là thông.

Luật Tương ứng tương cầu (giao cảm) nghĩa là hai khí Âm Dương có giao cảm với nhau thì vạn vật mọi hóa sinh, vạn vật sinh rồi lại tiếp tục sinh mãi đưa đến cuộc biến đổi trở thành vô tận. Âm Dương có hòa xướng là cái trạng thái bình, Âm Dương xung khắc là cái trạng thái loạn. Vạn vật trong Vũ Trụ bao giờ cũng tìm bạn đồng hành để tương ứng, đồng khí để tương cầu. Âm Dương tìm lẫn nhau, hoặc Âm cũng tìm Âm, Dương cũng tìm Dương nhưng phải là đồng vọng hay đồng độ, nghĩa là Nội Ngoại tương ứng và tùy thuộc vào thời. Do đó

trong một quẻ thì chỉ có hào Dương và hào Âm mới tương ứng, còn nếu *toàn Âm hay toàn Dương thì có tương sinh cũng không sinh được, có tương khắc cũng không khắc được*. Bởi vậy Âm Thủy mới sinh Dương Mộc, Dương Mộc mới sinh Âm Hỏa. Về tương khắc cũng theo lẽ ấy thì mới có sự hóa sinh. (Chú ý: **để có sự hóa sinh thì cần phải khác Âm Dương và ngũ hành phải tương sinh hoặc tương khắc.**) Tương khắc không đưa đến hóa sinh mà đưa đến hủy diệt thì đòi hỏi phải cùng Âm Dương và ngũ hành tương khắc, ví dụ Dương Kim thì khắc Dương Mộc (ví như kim khí cứng rắn mà gặp cây cứng rắn thì mới khắc mạnh, mới đưa đến sự hủy diệt, còn Dương Kim tuy có khắc Âm Mộc nhưng không mạnh được, trái lại lại đưa đến sự hóa sinh)

Luật Tích Tiệm: Tích có nghĩa là chất chứa, tích lũy từ lâu dài. Biến và hóa đều có nghĩa là đổi dời, nhưng biến thì đổi từ từ, khó nhận thấy, còn gọi là tiệm biến, hóa xảy ra ngay khi cuộc chuyển biến đã hoàn tất, gọi là đột biến

Luật Phản Phục: trở lại nơi khởi điểm, trở về cái gốc cũ. Sự tiến triển của vạn vật không đi luôn mà sẽ trở lại. Vật cùng tác phản, nghĩa là khi cùng cực thì trái nghịch trở về cái gốc, cái trước. Nếu không đi thì sẽ không trở lại, đã có đi thì sẽ có lại (*Vô vãng bất phục*)

Luật bất dịch (bất di bất dịch): sự biến hóa ở vạn vật diễn biến trong vòng trật tự, theo một qui luật nhất định, không thay đổi, thường hằng. Tất cả mọi vật đều rất động, nhưng nhờ qui luật này chi phối mà sự động ấy không bị rối loạn, không đổi khác. Tất cả sự vật đều cùng về một nguồn (gọi là Thái Cực), nhưng mọi vật theo con đường riêng của mình, cùng về nhà mà đi khác đường (*Đông qui nhi thù đồ*). Luật thường hằng do chi phối tất cả mọi cuộc biến hóa trong trời đất, điều hòa mọi trạng thái động tĩnh, không cho sự gì đi đến thái quá hay bất cập, thiếu thì nó bù vào, thừa thì nó bớt đi, đưa đến quân bình

TƯỢNG CỦA ÂM DƯƠNG

Dịch lí quan niệm Âm Dương là khí và Ngũ Hành là thể chất

Âm Dương tượng trưng cho hai khí thiên nhiên trong vũ trụ. Nguyên lí của Vũ Trụ thì vô hình, không thể mô tả cụ thể được, mà dù cho có mô tả được đi chăng nữa thì cũng không bao giờ mô tả hết được. Muốn mô tả nguyên lí của Vũ Trụ đó ta phải mượn hữu hình để mô tả cho chân lí vô hình đó, gọi là mượn Tượng để mô tả Hình

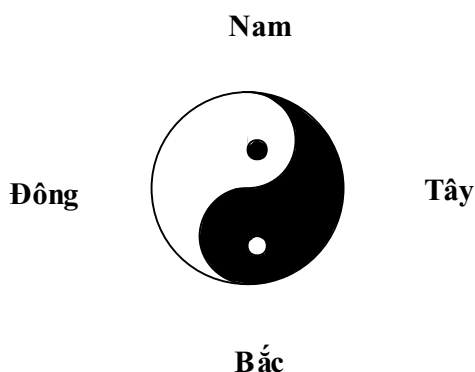
Khí Dương tượng trưng bởi nóng, cứng, dài, nhanh, khỏe, Nam, ban ngày, trời, số lẻ, phát triển, trẻ, Mặt Trời, mùa Xuân, Hạ, hướng Đông, hướng Nam, phía trên, phía ngoài, lửa, sáng, năng động, tích cực, cương quyết, hữu hình...

Khí Âm tượng trưng bởi lạnh, mềm, ngắn, chậm, yếu, Nữ, ban đêm, đất, số chẵn, suy thoái, già, Mặt Trăng, mùa Thu, Đông, hướng Tây, hướng Bắc, phía dưới, phía trong, nước, tối, thụ động, tiêu cực, nhu nhược, vô hình ...

Trong con người, Dương là mé ngoài, sau lưng, phần trên, lục phủ, khí... Âm là mé trong, trước ngực và bụng, phần dưới, ngũ tạng, huyết...

Âm Dương không phải là thứ vật chất cụ thể nào mà là thuộc tính nằm trong tất cả mọi sự vật. Nó giải thích sự biến hóa và phát triển của sự vật. Người ta dùng **Thái Cực Đồ** để tượng trưng cho hai khí Âm Dương nằm trong Thái Cực.

Thái Cực Đồ



Người Trung Quốc khi vẽ hình thì hướng Bắc bên dưới, Nam bên trên, Đông bên phải và Tây bên trái của hình bởi vì Trung Quốc ở Bắc Bán Cầu nên người ta ngồi ở phía Bắc mà nhìn lên phía Nam, và theo đó mà đặt phương vị. Như vậy trước mặt là phương Nam, tay trái phương Đông, bên phải phương Tây. Trên Thái Cực Đồ thì phần màu trắng là khí Dương nằm ở phương Đông nơi Mặt Trời mọc, phần màu đen thì là khí Âm nằm ở phương Tây. Trong phần Dương có một chấm đen tượng trưng cho Âm Căn (mâm Âm), trong phần Âm có một chấm trắng tượng trưng cho Dương Căn (mâm Dương). Điều này thể hiện Dương trung hữu Âm căn, Âm trung hữu Dương căn, khi Dương cực thì mâm Âm sẽ sinh ra và khi Âm cực thì mâm Dương sẽ sinh ra (Dương cực thì Âm sinh, Âm cực thì Dương sinh hay nói khác đi cực Dương sinh Âm và cực Âm sinh Dương, vật cực tắc biến) và nhấn mạnh ý nghĩa không bao giờ có trường hợp cô Âm hay cô Dương bởi vì trong Dương có Âm và trong Âm có Dương. Khi Dương nhiều hơn Âm thì gọi là Dương, khi Âm nhiều hơn Dương thì gọi là Âm. Âm Dương vận động chuyển hóa theo qui luật Dương trưởng thì Âm tiêu, Âm trưởng thì Dương tiêu, Dương tiêu thì Âm trưởng, Âm tiêu thì Dương trưởng.

Đường đi của Âm và Dương đều theo chiều thuận, từ trái qua phải, từ Đông sang Tây. Dương sinh ra ở phía Bắc, nóng và nhẹ nên đi lên về phương Đông. Dương lớn lên ở phương Đông, cực thịnh ở phía Nam (hướng Nam, giờ Ngọ thì nóng nhất nên Dương cực. Dương cực thì Âm sinh nên Âm sinh ở Ngọ, phía Nam) và tiêu mất ở phía Tây. Âm sinh ở phương Nam, lạnh và nặng nên đi xuống phương Tây. Âm lớn lên ở phương Tây, cực thịnh ở phương Bắc, giờ Tí thì lạnh nhất nên Âm cực, Âm cực thì Dương sinh nên Dương sinh tại Tí và tiêu mất ở phương Đông. Khi Dương tiêu mất ở phía Tây thì Âm lớn lên, khi Âm tiêu mất ở phía Đông thì Dương lớn lên. Với bản chất như vậy, **Âm Dương chuyển hóa theo qui luật Dương Thăng Âm Giáng và theo qui luật có thứ tự là doanh (tràn đầy), hư (hao hụt), tiêu (mòn dần), trưởng hay tức (nở ra, sinh ra)**. Khi Dương doanh thì Âm tiêu, Dương trưởng thì Âm hư và ngược lại để đáp ứng cho nhau sinh hóa luân chuyển không ngừng. Dương có tiêu thì nhờ cái mầm Dương ở trong Âm mà lại trưởng, Âm có bị tiêu thì nhờ cái mầm Âm trong Dương mà Âm lại trưởng. Có người còn sử dụng qui luật theo thứ tự là thành (sinh ra), thịnh (cực độ), suy (yếu đi), hủy (mất đi) để diễn tả sự chuyển hóa của Âm Dương. Khi Dương thành thì Âm suy, Dương thịnh thì Âm hủy, Dương suy thì Âm thành, Dương hủy thì Âm thịnh. Tương tự như vậy đối với khí Âm: khi Âm thịnh thì Dương suy, khi Dương thịnh thì Âm hủy...

TIÊN THIÊN BÁT QUÁI

Tiên Thiên Bát Quái là 8 quẻ thuộc về Trời, chỉ về Thiên Lí hay Lễ Trời. Vì lúc đó chưa có chữ viết, vua Phục Hi sử dụng các vạch để diễn tả.

Sử dụng vạch liên tục, vạch liền, tức vạch Lễ, gọi là **Cơ** để tượng trưng cho phần Dương.

Sử dụng vạch đứt đoạn, tức vạch Chấn gọi là **Ngã** để tượng trưng cho phần Âm

Lưỡng Nghi (Âm Dương) được tượng trưng bằng hai vạch Dương và Âm gọi là Dương Nghi và Âm Nghi

Tứ Tượng Đặt một vạch Dương lên trên Dương Nghi thì thành Toàn Dương nên gọi là Thái Dương (Thái có nghĩa là đã lớn). Đặt một vạch Âm lên trên Dương Nghi thì ta có một Dương làm chủ ở dưới nên gọi là Thiếu Dương (Thiếu có nghĩa là còn nhỏ). Đặt một vạch Âm lên trên Âm Nghi thành Toàn Âm gọi là Thái Âm. Đặt một vạch Dương lên trên Âm Nghi thì ta có một Âm làm chủ ở bên dưới gọi là Thiếu Âm

Như vậy ta có Tứ Tượng theo đúng thứ tự là Thiếu Dương, Thái Dương, Thiếu Âm, Thái Âm. Thiếu Dương đi trước Thái Âm và Thiếu Âm đi trước Thái

Dương thể hiện *Âm trung hữu Dương căn, Dương trung hữu Âm căn*, nghĩa là trong Âm có mầm Dương, trong Dương có mầm Âm. Dương sinh ở dưới thành ra Thiếu Dương có một vạch Dương mới sinh ở dưới làm chủ. Dương trưởng ở trên thành ra Thái Dương với hai vạch Dương là Dương đã toàn thịnh. Âm sinh ở trên cho nên Thiếu Âm có một Âm mới sinh ở dưới làm chủ. Âm trưởng ở dưới cho nên Thái Âm với hai vạch Âm là Âm đã toàn thịnh.

Chú ý nếu sử dụng hệ nhị phân (coi phần dưới) để diễn đạt Tứ Tượng thì ta có Thái Dương 11 (= 3), Thiếu Âm 10 (= 2), Thiếu Dương 01 (= 1), Thái Âm 00 (= 0) và hai quẻ đối xứng luôn có tổng giá trị là 3 (bằng số lớn nhất của hệ nhị phân dùng hai con số). Như vậy sự sắp xếp Tứ Tượng hợp lý thống nhất với sự sắp xếp của Tiên Thiên bát quái và 64 trùng quái của Tiên Thiên phải là sự sắp xếp từ số lớn xuống nhỏ: Thái Dương 3, Thiếu Âm 2, Thiếu Dương 1, Thái Âm 0. Nhiều tác giả đã xếp Tứ Tượng theo trật tự này .

TIÊN THIÊN BÁT QUÁI

Bát Quái là tám Quẻ, mỗi quẻ gồm có ba vạch (mỗi vạch còn gọi là *Hào*), còn được gọi là Quẻ Đơn hay Đơn Quái, dùng để diễn tả 8 hiện tượng chính của hoạt động Âm Dương trong Vũ Trụ. *Việc xếp đặt các vạch để tạo thành Bát Quái được thực hiện theo một thứ tự hoàn toàn theo tự nhiên: Dương trước, Âm sau, tay mặt trước, tay trái sau.*

Thứ tự và tên gọi của Bát Quái như sau:

Càn, Đoài, Li, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn

TIÊN THIÊN BÁT QUÁI

Đông		Nam		Tây		Bắc	
Chấn 4	Li 3	Đoài 2	Càn 1	Tốn 5	Khảm 6	Cấn 7	Khôn 8
Thiếu Dương 	Thái Dương 	Thiếu Âm 	Thái Âm 				
Dương Nghi 				Âm Nghi 			
Thái Cực							

Quẻ Càn: đặt một vạch Dương lên trên Thái Dương thành toàn Dương gọi là quẻ Càn (trời, thiên. Càn vi Thiên). Quẻ này thì Dương đã thịnh, và Âm đã hủy

Quẻ Đoài: đặt một vạch Âm lên trên Thái Dương ta có quẻ Đoài (đầm ao. Đoài vi Trạch). Quẻ này thì Dương đã lớn và Âm sắp tàn

Quẻ Li: đặt một vạch Dương lên trên Thiếu Dương ta có quẻ Li (lửa, hơi nóng. Li vi Hỏa). Quẻ này thì Dương đã lớn và Âm sắp tàn

Quẻ Chấn: đặt một vạch Âm lên trên Thiếu Dương ta có quẻ Chấn (sấm sét, Chấn vi Lôi). Quẻ này thì Dương mới sinh và Âm bắt đầu suy

Quẻ Tốn: đặt một vạch Dương lên trên Thiếu Âm ta có quẻ Tốn (gió. Tốn vi Phong). Quẻ này thì Âm mới sinh và Dương bắt đầu suy

Quẻ Khảm: đặt một vạch Âm lên trên Thiếu Âm ta có quẻ Khảm (nước, chất lỏng. Khảm vi Thủy). Quẻ này thì Âm đã lớn và Dương sắp tàn

Quẻ Cấn: đặt một vạch Dương lên trên Thái Âm ta có quẻ Cấn (núi non. Cấn vi Sơn). Quẻ này thì Âm đã lớn và Dương sắp tàn.

Quẻ Khôn: đặt một vạch Âm lên trên Thái Âm thành toàn Âm gọi là quẻ Khôn (Đất, Địa. Khôn vi Địa). Quẻ này thì Âm đã thịnh và Dương đã hủy

Muốn dễ nhớ tám quẻ này thì có thể sử dụng cách đọc như sau:

Càn tam liên (Càn ba vạch liền, vì có ba vạch Dương),

Đoài thượng khuyết (Đoài khuyết trên vì có một vạch Âm ở trên, hai vạch Dương ở dưới),

Li trung hư (Li rỗng giữa, Li giữa khuyết, vì có một vạch Âm ở giữa, hai vạch Dương còn lại thì ở trên và dưới),

Chấn ngưỡng bồn (Chấn chậu ngựa, Chấn nằm ngựa như cái bồn để ngựa, vì có một vạch Dương ở dưới và hai vạch Âm ở trên),

Tốn hạ đoạn (Tốn ngắn dưới, Tốn dưới đứt đoạn, vì có một vạch Âm ở dưới và hai vạch Dương ở trên),

Khảm trung mãn (Khảm đầy ruột, Khảm giữa đầy. Trung là giữa. Mãn là đầy. Quẻ Khảm có vạch Dương ở giữa, còn lại là hai vạch âm ở trên và dưới),

Cấn phúc quang (Cấn phúc uyển) (Cấn bát úp, Cấn úp xuôi, giống như hình cái thau hoặc chậu úp xuống, nghĩa là một vạch Dương bên trên, hai vạch Âm bên dưới),

Khôn lục đoạn (Khôn sáu đoạn vì có ba vạch Âm).